

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Thông tư số:03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017  
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

**Tên ngành, nghề:** Lâm nghiệp (Forestry)

**Mã ngành, nghề:**

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:** (Chính quy)

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT

**Thời gian đào tạo:** 2,5 năm (30 tháng)

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

+ Đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đẳng có kiến thức và kỹ năng về lâm sinh và quản lý tài nguyên rừng.

+ Có thái độ nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp.

+ Có sức khỏe và khả năng quản lý nguồn lực.

+ Có khả năng thích ứng với công việc đa dạng: thực nghiệm, nghiên cứu, quản lý, kinh doanh.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

\* Về kiến thức

+ Có kiến thức vững vàng về các biện pháp tạo rừng và phương thức xử lý lâm sinh đối với từng loại rừng.

+ Giải thích được nguyên lý của các phương pháp điều tra đánh giá tài nguyên rừng (rừng và đất rừng) và cơ sở lý luận của công tác quy hoạch lâm nghiệp và thiết kế sản xuất.

+ Có kiến thức cần thiết về kinh tế, xã hội và nhân văn cũng như kiến thức về luật pháp để tổ chức và chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu khoa học và sản xuất nông lâm nghiệp trong thực tiễn sản xuất.

\* Về kỹ năng

+ Sử dụng thành thạo các phương pháp điều tra, đánh giá và phân tích tài nguyên rừng.

+ Có khả năng làm công tác thiết kế sản xuất, xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án quy hoạch ở cấp vĩ mô.

+ Có khả năng tư vấn, phổ cập và chuyển giao kỹ thuật nông lâm nghiệp cho các cơ sở sản xuất nông lâm nghiệp tại các địa phương khác nhau.

\* Về thái độ

+ Có khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm trong công việc

+ Yêu ngành, yêu nghề, năng động và sáng tạo trong mọi việc.

+ Có quan hệ cởi mở và đúng mực trong công việc cũng như trong cuộc sống.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (từ TW đến địa phương): Tổng cục Lâm nghiệp; Chi cục Lâm nghiệp; Chi cục Kiểm lâm; Hạt kiểm lâm; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Tài nguyên và Môi trường...

Các cơ quan sản xuất/quản lý lâm nghiệp: Công ty Lâm nghiệp; Ban quản lý rừng phòng hộ; Ban quản lý rừng đặc dụng; Công ty sản xuất giống cây lâm nghiệp...

Các cơ quan tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật: Trung tâm Điều tra, quy hoạch, thiết kế nông lâm nghiệp; Trung tâm khuyến nông khuyến lâm quốc gia; Trung tâm khuyến nông khuyến lâm tỉnh; Trạm khuyến nông khuyến lâm huyện...

Các cơ quan đào tạo và nghiên cứu: Các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; Viện Khoa học Lâm nghiệp/Nông nghiệp; Viện Điều tra quy hoạch rừng...

Công chức phường xã: Cán bộ phụ trách lâm nghiệp xã

Các Chương trình, Dự án trong nước và quốc tế

Các tổ chức Phi chính phủ Việt Nam và Quốc tế (LNGOs và INGOs)

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

+ Số lượng môn học, mô đun: 43

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 Tín chỉ

+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 525 giờ

+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1230 giờ

+ Khối lượng thời gian thực tập: 210 giờ

+ Khối lượng lý thuyết: 632 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1253 giờ

## 3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I. Các môn học chung/đại cương</b>		<b>24</b>	<b>525</b>	<b>212</b>	<b>289</b>	<b>24</b>
MH 1	Những nguyên lý cơ bản của CN	2	45	29	14	2

	Mác Lênin 1					
MH 2	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	60	29	28	3
MH 3	Pháp luật đại cương	2	45	29	14	2
MH 4	Tiếng Anh	3	60	28	29	3
MH 5	Toán cao cấp	2	45	14	29	2
MH 6	Tin học đại cương	2	45	14	29	2
MH 7	Xác suất thống kê	2	45	14	29	2
MH 8	Hóa học đại cương	2	45	14	29	2
MH 9	Sinh học đại cương	2	45	21	22	2
MH 10	Giáo dục thể chất 1	2	45	10	33	2
MH 11	Giáo dục thể chất 2	2	45	10	33	2
MH 12	Giáo dục quốc phòng - an ninh					
<b>II. Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>		<b>56</b>	<b>1230</b>	<b>420</b>	<b>754</b>	<b>56</b>
<b><i>II.1. Môn học, mô đun cơ sở</i></b>		<b>22</b>	<b>480</b>	<b>168</b>	<b>290</b>	<b>22</b>
MH 13	Sinh lý thực vật	2	45	14	29	2
MH 14	Di truyền và cải thiện giống cây rừng	2	45	14	29	2
MH 15	Thực vật rừng	3	60	28	29	3
MH 16	Sinh thái rừng	2	45	14	29	2
MH 17	Đo đạc lâm nghiệp	2	45	14	29	2
MH 18	Đất lâm nghiệp	3	60	28	29	3
MH 19	Khí tượng thủy văn rừng	2	45	14	29	2
MH 20	Côn trùng lâm nghiệp	2	45	14	29	2
MH 21	Bệnh cây lâm nghiệp	2	45	14	29	2
MH 22	Thống kê ứng dụng trong lâm nghiệp	2	45	14	29	2
<b><i>II.2. Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</i></b>		<b>24</b>	<b>525</b>	<b>182</b>	<b>319</b>	<b>24</b>
MH 23	Điều tra rừng	2	45	14	29	2
MH 24	Lâm học	3	60	28	29	3
MH 25	Sản lượng rừng	2	45	14	29	2

MH 26	Bảo tồn đa dạng sinh học	2	45	14	29	2
MH 27	Trồng rừng	3	60	28	29	3
MH 28	Phòng chống cháy rừng	2	45	14	29	2
MH 29	Động vật rừng	2	45	14	29	2
MH 30	Nông lâm kết hợp	2	45	14	29	2
MH 31	Khoa học gỗ	2	45	14	29	2
MH 32	Lâm sản ngoài gỗ	2	45	14	29	2
MH 33	Quy hoạch và điều chế rừng	2	45	14	29	2
<b>II.3. Môn học, mô đun tự chọn (10/22)</b>		<b>10</b>	<b>225</b>	<b>70</b>	<b>145</b>	<b>10</b>
MH 34	Quản lý rừng bền vững	2	45	14	29	2
MH 35	Lâm sinh nhiệt đới	2	45	14	29	2
MH 36	Quản lý dự án lâm nghiệp	2	45	14	29	2
MH 37	Trồng hoa và cây cảnh	2	45	14	29	2
MH 38	Vườn ươm cây giống	2	45	14	29	2
MH 39	Lâm nghiệp đô thị	2	45	14	29	2
MH 40	Pháp luật và chính sách lâm nghiệp	2	45	14	29	2
MH 41	Quản lý doanh nghiệp lâm nghiệp	2	45	14	29	2
MH 42	Quản lý kinh tế hộ trang trại	3	60	28	29	3
MH 43	GIS và viễn thám	3	60	28	29	3
<b>III. Thực tập</b>		<b>10</b>	<b>210</b>	<b>0</b>	<b>210</b>	<b>0</b>
Thực tập nghề 1		2	45	0	45	0
Thực tập nghề 2		2	45	0	45	0
Thực tập và thi tốt nghiệp		6	120	0	120	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>90</b>	<b>1965</b>	<b>632</b>	<b>1253</b>	<b>80</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

##### 4.1. Chương trình chi tiết môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

##### 4.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn;

Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong chương trình khung trình độ Cao đẳng Chăn nuôi - Thú y tối thiểu là 300 giờ (chọn 5 trong 10 MH/MĐ). Các cơ sở đào tạo khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn để xây dựng chương trình đào tạo nghề phù hợp cho trường mình, thì tùy theo yêu cầu đặc thù của từng ngành, từng địa phương, vùng miền, mà chọn ...; hoặc có thể chỉ chọn một số mô

đun tự chọn chuyên sâu do chương trình khung giới thiệu, rồi bổ sung các môn học, mô đun mới; thậm chí có thể tự xây dựng các chương trình môn học, mô đun tự chọn phù hợp để đưa vào giảng dạy sao cho thời gian đào tạo tự chọn tối thiểu đạt 300 giờ (trong đó thực hành chiếm từ 50 - 70%, lý thuyết từ 30 – 50%).

#### 4.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia sản xuất trực tiếp tại các phân xưởng, dây chuyền sản xuất, kho cấp phát nguyên liệu của các công ty, nhà máy;

+ Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

+ Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	- Chính trị đầu khóa - Phổ biến các qui chế đào tạo nghề, nội qui của trường và lớp học - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm	Sau khi nhập học
2	- Thể dục, thể thao	6 giờ đến 7 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
3	- Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
4	- Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	- Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
6	- Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học

#### 4.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Việc kiểm tra kết thúc môn học được áp dụng theo quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh và xã hội (*về việc ban hành quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy*).

#### 4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Các môn thi tốt nghiệp:

Chính trị: theo quy định hiện hành;

Lý thuyết nghề: các kiến thức trọng tâm về: Sinh lý thực vật, Sinh thái rừng, Di truyền và cải thiện giống cây rừng, Đất lâm nghiệp, Bệnh cây lâm nghiệp, Côn trùng lâm nghiệp

Thực hành nghề: Thực vật rừng, Điều tra rừng, , Lâm học, Sản lượng rừng, Trồng rừng, Đo đạc lâm nghiệp, Thống kê ứng dụng trong lâm nghiệp

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	-Viết -Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 60 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề  - Thực hành nghề - Môn học tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	-Viết -Vấn đáp -Trắc nghiệm  -Bài thi thực hành -Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	-Không quá 120 phút -Không quá 60 phút -Không quá 90 phút  - Không quá 4 giờ - Không quá 8 giờ

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đôi với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

#### 4.5. Các chú ý khác

+ Trên cơ sở số môn học trong chương trình dạy nghề, các cơ sở dạy nghề xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình được phê duyệt;

+ Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo chương trình dạy nghề đã được phê duyệt;

+ Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ cao hơn.

+ Thường xuyên cập nhật những tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lâm nghiệp để kịp thời bổ sung vào chương trình giảng dạy đáp ứng nhu cầu thực tế;

+ Chương trình cao đẳng nghề Lâm nghiệp nên được đánh giá, xem xét qua từng khóa học, nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa phù hợp thực tiễn công việc đặc thù của ngành./.

**HIỆU TRƯỞNG**